

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 tháng 3 năm 2022
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đỉnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Như Quang

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 149/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V; địa chỉ: Làng M, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn V1; địa chỉ: Làng M, xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn Phạm Thị V trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Đỗ Văn V1 chung sống với nhau từ năm 2015 và đến ngày 20-6-2018 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng hay nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thông cảm và hiểu nhau, thường xuyên cãi vã, không thống nhất được vấn đề làm ăn kinh tế. Do đó, chị V và anh V1 đã sống ly thân khoảng 03 năm, hiện nay không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau. Xét thấy mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên chị Phạm Thị V yêu cầu được ly hôn với anh Đỗ Văn V1.

- Về con chung: Chị Phạm Thị V và anh Đỗ Văn V1 có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Thùy T, sinh ngày 20-11-2015. Chị V yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và buộc anh V1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

- Về chia tài sản chung: Chị Phạm Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Đỗ Văn V1 trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Đỗ Văn V1 và chị Phạm Thị V có đăng ký kết hôn ngày 20-6-2018. Vì hoàn cảnh khó khăn nên anh V1 phải đi làm ăn xa, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên anh V1 đồng ý ly hôn với chị V.

- Về con chung: Anh Đỗ Văn V1 và chị Phạm Thị V có 01 con chung. Anh V1 và chị V đã thỏa thuận với nhau về việc nuôi con chung nên không có ý kiến gì khác.

- Về chia tài sản chung: Anh Đỗ Văn V1 và chị Phạm Thị V không có tài sản chung.

3. Dương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: 02 Giấy chứng minh nhân dân của anh Đỗ Văn V1 và chị Phạm Thị V (bản sao); 01 Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); 01 Giấy khai sinh (bản phô tô); 01 Đơn đề nghị xét xử vắng mặt; 02 Biên bản xác minh của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Đỗ Văn V1 đăng ký kết hôn ngày 20-6-2018 tại Ủy ban nhân dân xã R, huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị V và anh V1 kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống với nhau vợ chồng hay nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không thông cảm và hiểu nhau, thường xuyên cãi vã, không thống nhất được vấn đề làm ăn kinh tế. Do đó, chị V và anh V1 đã sống ly thân khoảng 03 năm, hiện nay không ai còn quan tâm chăm sóc đến nhau, chị V yêu cầu ly hôn thì anh V1 cũng đồng ý. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa chị V và anh V1 đã trầm trọng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không còn khả năng đoàn tụ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị V.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị V và anh Đỗ Văn V1 có 01 con chung là cháu Đỗ Thị Thùy T, sinh ngày 20-11-2015. Chị V yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung và buộc anh V1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên nhưng mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự

nuôi mình. Hội đồng xét xử thấy rằng, chị Tâm yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con và yêu cầu anh Đỗ Văn V1 cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là 1.000.000 đồng/con là phù hợp với điều kiện của chị V, anh V1 và mức cấp dưỡng cũng phù hợp với mức sống của trẻ em trong độ tuổi tại địa phương và anh V1 cũng không có ý kiến gì phản đối nên chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung: Chị Phạm Thị V và anh Đỗ Văn V1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị V là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Đỗ Văn V1 là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị V và anh Đỗ Văn V1.

2. Về con chung:

Giao con chung của chị Phạm Thị V và anh Đỗ Văn V1 là cháu Đỗ Thị Thùy T, sinh ngày 20-11-2015 cho chị Phạm Thị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc anh Đỗ Văn V1 phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đỗ Thị Thùy T, sinh ngày 20-11-2015 với mức 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11-3-2022) cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Chị Phạm Thị V là người được nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Thùy T.

Quyết định về việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0008337 ngày 05 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Chị Phạm Thị V đã nộp đủ tiền án phí; Buộc anh Đỗ Văn V1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- UBND xã R;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện G;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính